

Số: 208 /HD-THCS.NVT

Bình Trưng Đông, ngày 16 tháng 9 năm 2024

## HƯỚNG DẪN

### Nội dung họp Cha mẹ học sinh đầu năm học 2024 – 2025

#### I. Công tác chuẩn bị:

- Gửi thư mời họp, phân công HS điếm danh CMHS dự họp
- Vệ sinh phòng học, phục vụ nước uống: Phân công HS của lớp tự làm.
- Tình hình của lớp: sĩ số, chất lượng, Ban cán sự, sơ đồ chỗ ngồi, thời khóa biểu, mục tiêu phấn đấu của lớp.
- 100% giáo viên sử dụng màn hình tương tác để thông tin các nội dung họp đến CMHS, có thể trình chiếu các vị trí chỗ ngồi, hoạt động học tập và vui chơi của học sinh từ 5/9 đến thời điểm họp.

#### II. Báo cáo kết quả năm học 2023- 2024

Tổng số học sinh: 1428 HS

**1. Kết quả rèn luyện:** Tốt 1.308HS (Tỉ lệ: 91.14%) , Khá: 120 (8.36%). Trung bình: 7(0.48%)

**2. Kết quả học tập:** Giỏi: 662HS (tỉ lệ 46.35%) Khá: 497HS (tỉ lệ: 34.80%) Đạt: 252 HS (tỉ lệ 17.64%), Chưa đạt (ở lại lớp): 17 (tỉ lệ 1.19%)

**3. Tỉ lệ học sinh đủ điều kiện TNTHCS: 316/316** (tỉ lệ 100%)

- Tỉ lệ học sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10: 276/316HS (tỉ lệ 87,34%), vượt tỉ lệ chung của TP Thủ Đức 79,4%. Trong đó có 40 HS không trúng tuyển vào lớp 10.

Có 77 học sinh đạt Học sinh giỏi cấp Thành phố Thủ Đức; 03 Học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh (01 Giải ba môn Công nghệ; 02 Giải ba môn Địa lí).

#### III. Đặc điểm tình hình nhà trường:

**1. Nhân sự:** Tổng số 63

- BGH: 02; GV: 51; CNV: 10

**2. Học sinh: TS 1.468- Tổng số lớp 30**

Khối 6:357 HS Số lớp: 7 lớp (5 lớp TCTA). Tỉ lệ bình quân: 51HS/lớp

Khối 7: 444HS Số lớp: 9 lớp (7 lớp TCTA). Tỉ lệ bình quân: 49HS/lớp

Khối 8: 380 HS Số lớp: 8 lớp (5 lớp TCTA). Tỉ lệ bình quân: 47HS/lớp

Khối 9: 287 HS Số lớp: 6 lớp (3 lớp TCTA). Tỉ lệ bình quân: 47HS/lớp

#### 3. Về cơ sở vật chất:

Phòng học: 100% phòng học trang bị màn hình tương tác

Phòng ngủ: 08 phòng sức chứa 1.137 em. Nhà trường lắp máy lạnh và quạt đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ cho khu vực phòng ngủ trưa.

Nhà ăn: bố trí khu vực ăn diện tích trên 350m<sup>2</sup>, có mái che. Chia làm 02 ca ăn trong ngày. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm. Thực đơn phong phú.

Phòng chức năng: gồm :09 phòng. Trong đó có: 03 phòng vi tính mỗi phòng có 52 máy tính kết nối mạng internet; 01 phòng Stem trang bị đủ các thiết bị hiện đại (02

máy lạnh, 01 màn hình tương tác, vật dụng cho hoạt động nghiên cứu); 01 phòng thư viện (01 màn hình tương tác); 01 phòng âm nhạc, 03 phòng thực hành thí nghiệm.

Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho công tác dạy và học tại trường

#### **IV. Phương hướng nhiệm vụ năm học 2024- 2025:**

**1/ Đối với nhà trường:** Đảm bảo trường học khang trang, sạch đẹp- Thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, mẫu mực- Học sinh học để tự khẳng định mình, học tập và rèn luyện để làm người công dân tốt, học để có năng lực thích ứng với thành phố thông minh và hội nhập quốc tế

- Dạy học để phát huy tính tích cực, tự học của người học, dạy học để người học được hạnh phúc.

- Tích cực thi đua xây dựng trường học số.

#### **2/ Đối với học sinh:**

Rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng ứng phó các tình huống xảy ra trong thực tiễn  
Chăm sóc, hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho học sinh yếu thế, học sinh hòa nhập, học sinh mồ côi cha (mẹ) do dịch Covid

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh.

Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh học tập, phát huy năng khiếu

Hình thành và phát triển cho học sinh 5 phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 10 năng lực cốt lõi (*3 Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để. *7 Năng lực chuyên môn*: Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội) thông qua các nội dung của môn học.

#### **V. Loại hình học tập:**

##### **1/ Lớp Tăng cường Tiếng Anh: 40 tiết/ tuần**

Trong đó: - Chương trình GD phổ thông 2018: 29 tiết  
- Chương trình tiếng anh Tăng cường: 05 tiết  
- Chương trình nhà trường: 6 tiết

##### **2/ Lớp bán trú: 37 tiết /tuần**

Trong đó: - Chương trình GD phổ thông 2018: 29 tiết  
- Chương trình nhà trường: 8 tiết

##### **3/ Lớp 2 buổi: 35 tiết/tuần**

Trong đó: - Chương trình GD phổ thông 2018: 29 tiết  
- Chương trình nhà trường: 6 tiết

Chương trình nhà trường bao gồm:

Tin học chuẩn quốc tế: 02 tiết; Kỹ năng sống: 01 tiết;

Stem (khối 6,7): 01 tiết

Phổ cập bơi: 2 tiết (khối 6)

Thư viện: 01 tiết

Năng khiếu tự chọn (võ thuật, cầu tin học): 01 tiết

Tiếng Hàn: 01 tiết

Tăng tiết: Toán, Văn, Anh

Tiếng anh với người bản ngữ: 2 tiết

#### **VI. Chế độ miễn giảm:**

## **1. MIỄN: Học phí**

- Con liệt sĩ, con thương binh hoặc bệnh binh >61%, gia đình có công Cách mạng
- Con mồ côi cả cha và mẹ không nơi nương tựa
- Con gia đình thuộc diện hộ nghèo được UBND phường xác nhận
- Học sinh khuyết tật hòa nhập
  - Học sinh là dân tộc Chăm, Khmer, dân tộc thiểu số rất ít người, ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, ở xã Khu vực III vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

## **2. GIẢM 50%: học phí**

- Con thương binh hoặc bệnh binh <61%, hoặc cha, mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên

- Mồ côi cha hoặc mẹ
- Hộ cận nghèo

## **3. Miễn 100% tiền H2B:**

- Con gia đình thuộc diện hộ nghèo.

## **4. Giảm 50% tiền H2B:**

- Con gia đình thuộc diện hộ cận nghèo.

**Tất cả các chế độ miễn, giảm trên phải được UBND phường xác nhận.**

**VII. Bầu ban đại diện CMHS lớp:** Gồm 03 người. Trong đó, có 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và ủy viên (yêu cầu GVCN nhắc phụ huynh bầu đủ số lượng và đảm bảo thành phần).

## **VIII. Thông báo thu học phí (Văn bản đính kèm)**

- Văn bản số 8630/UBND-GDDT ngày 13/9/2024 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024- 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn TP Thủ Đức

1. Học phí: 60.000đ/1HS/1 tháng
2. Thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục
  - Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 210.000đ/HS/tháng
  - Đối với lớp học có nhu cầu sử dụng máy lạnh, nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê: 70.000đ/1HS/1 tháng
    - Dịch vụ tiện ích, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 25.000đ/1 HS/1 tháng (Mức tối đa 110.000đ/tháng)
    - Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (không bao gồm nha học đường) : 30.000đ/HS
3. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường
  - Tiền tổ chức 2 buổi/ngày: 120.000đ/tháng
  - Tiền tổ chức lớp TCTA: 90.000đ/tháng
  - Tiền tổ chức giáo dục kỹ năng sống: 80.000đ/tháng
  - Tiền tổ chức giáo dục Stem: 100.000đ/tháng
  - Tiền tổ chức học bơi: 550.000đ (1 khóa 10 tuần)
  - Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 220.000đ/tháng
4. Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án
  - Tiền tổ chức lớp học theo đề án “Nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học theo định hướng chuẩn Quốc tế”: 150.000đ/1 tháng.
5. Các khoản thu cho cá nhân học sinh:

- Tiền mua sắm thiết bị và vật dụng phục vụ BT: 190.000đ/năm
- Học phẩm (Đề thi, giấy thi): 30.000đ/năm
- Tiền ăn: 30.000đ/ngày (không bao gồm ăn xế)
- Tiền nước uống: 20.000đ/tháng
- Tiền giữ xe đạp: 2.000đ/xe/lượt

**Lưu ý:** Năm học 2024- 2025 thanh toán học phí không dùng tiền mặt

**IX. Thông báo vv lắp máy lạnh tại khu vực lớp học:** 100% cha mẹ học sinh tự nguyện và có nhu cầu lắp máy lạnh thì lớp mới được triển khai thực hiện (kèm mẫu đơn xin lắp máy lạnh)

**X. Một số lưu ý:**

- Triển khai thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 về quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh
- Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 về ban hành quy chế xét công nhận tốt nghiệp THCS (lưu ý **điều 3:** Số lần xét tốt nghiệp trong một năm)
- Thông báo 3117/TB-BHXH ngày 10 tháng 7 năm 2024 về mức đóng bảo hiểm y tế học sinh sinh viên từ 1/7/2024. Đảm bảo 100% hs tham gia.

**Nơi nhận:**

- Liên tịch
- GVCN
- Lưu: VT

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Tiên Hiệp**